

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 7 năm 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hữu Toan và ông Lê Trọng Thảo

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Hồng Hương – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024. Về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Thu L**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Bị đơn: **Anh Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng H chung sống với nhau vào năm 2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/7/2009. Trong thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng về cơ bản là hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H cũng có lần đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị đã bỏ về nhà ngoại ở và sống ly thân với anh H từ Tết âm lịch năm

2023 đến nay. Đến nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa, nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H đã có 03 con chung là Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 17/5/2009; Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 23/8/2017. Sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 23/8/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Và xin giao con chung là Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 17/5/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Nguyễn Trọng H, nhưng anh H không đến làm việc, vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành làm bản tự khai. Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh H. Không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp căn cứ vào Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh H. Qua xác minh tại địa phương thì được biết anh H sống cùng mẹ ruột tại thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và đi làm Công ty tại tỉnh Bình Dương. Chị L và anh H xảy ra mâu thuẫn nên chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh H từ Tết Âm lịch năm 2023 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị L xin được ly hôn với anh H, còn anh H không đến Tòa án làm việc, nên không thể tiến hành hoà giải được. Do đó căn cứ Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H. Về con chung đề nghị giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 25/10/2011 và cháu Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 23/8/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Giao

cháu Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 17/5/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Thu L có đơn yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân, con chung giữa chị với anh Nguyễn Trọng H, địa chỉ thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa chị L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của chị L. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần thứ hai, không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H chung sống với nhau vào năm 2008, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11 tháng 7 năm 2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh chị cũng đã suy nghĩ rất kỹ trong khoảng thời gian dài để cùng nhau hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân nhau từ Tết âm lịch năm 2023 đến nay. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị L và anh H có 03 con chung là Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 17/5/2009; Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 23/8/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 23/8/2017 cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và xin giao con chung là Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 17/5/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Từ khi chị L và anh

H sống ly thân thì cháu T và cháu T1 ở cùng bà nội tại xã E, huyện E, còn cháu H1 ở cùng bố tại tỉnh Bình Dương. Xét thấy, nguyện vọng của chị L là hợp pháp, chị có đủ các điều kiện để nuôi 02 con chung là cháu T và cháu T1; Quá trình giải quyết vụ án anh H không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao 02 con chung là cháu T và cháu T1 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với cháu H1 hiện nay đang ở cùng anh H nên cần giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H không có yêu cầu gì về vấn đề cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị L và anh H có phát sinh tranh chấp về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phân chia tài sản chung và công nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị L và anh H có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51; 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu L đối với anh Nguyễn Trọng H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu L được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 23/8/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 17/5/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Chị L và anh H không được quyền cản trở nhau đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0003862 ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp;
- Thi hành án dân sự huyện Ea Súp;
- Ủy ban nhân dân xã Ea Rôk, huyện Ea Súp;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài